

Số: /KH-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số, phát triển Giáo dục thông minh và triển khai Đề án 06 ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo;

Căn cứ Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Khung kiến trúc số Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 24-KH/BCĐTP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Thành phố về phát động Chiến dịch xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Đề án 06 năm 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt Chiến lược phát triển dữ liệu số Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 24-KH/BCĐTP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Thành phố về phát động Chiến dịch xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số, phát triển Giáo dục thông minh và triển khai Đề án 06 ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

1. Mục đích

Tập trung xây dựng và triển khai đồng bộ kiến trúc hệ thống, các nền tảng dùng chung trong toàn ngành Giáo dục nhằm đảm bảo tính kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật. Trọng tâm là thiết lập Hệ sinh thái giáo dục số hiện

đại, vận hành trên mô hình chiến lược: “*Dữ liệu dân cư làm gốc - Cơ sở dữ liệu chuyên ngành làm nền tảng - Công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) làm động lực*”, tạo tiền đề vững chắc cho việc hội nhập vào kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Xây dựng và hoàn thiện 100% danh mục dữ liệu chuyên ngành giáo dục trên môi trường số. Đảm bảo toàn bộ các nhóm dữ liệu (*dữ liệu tổ chức, cơ sở giáo dục; dữ liệu người học; dữ liệu nhân sự; dữ liệu cơ sở vật chất; dữ liệu chuyên môn*) được thiết lập, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện dựa trên danh mục dữ liệu Quốc gia và theo các tiêu chuẩn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thành phố, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, dự báo và cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

Nâng cao hiệu quả thực thi các nhiệm vụ tại Đề án 06 của Chính phủ thông qua việc chuẩn hóa, làm sạch và làm sống dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính chính xác và thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đẩy mạnh việc khai thác ứng dụng VNeID mức độ 2, chữ ký số cá nhân và học bạ số trong các hoạt động quản lý, giảng dạy; qua đó hình thành môi trường làm việc phi giấy tờ, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên không gian mạng.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quản trị nhà trường, dạy và học theo hướng dựa trên dữ liệu (data-driven); nâng cao hiệu quả cải cách hành chính. Tập trung hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, tiến tới số hóa 100% hồ sơ chuyên môn, góp phần nâng cao tính minh bạch và chất lượng phục vụ người dân, người học.

Tăng cường đầu tư, rà soát và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, tiết kiệm và hiệu quả tại các đơn vị. Đồng thời, tập trung phát triển nguồn nhân lực số thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ mới (đặc biệt là AI) cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo. Đây là yếu tố then chốt để đảm bảo sự thành công của chiến lược chuyển đổi số, giúp đội ngũ sư phạm thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của công nghệ và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong kỷ nguyên số.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải đảm bảo tính thống nhất từ cấp Thành phố đến địa phương; xuyên suốt từ Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và toàn bộ cơ sở giáo dục trên địa bàn. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật tương thích để dữ liệu được lưu chuyển không rào cản giữa các cấp quản lý.

Dữ liệu phát sinh trong toàn ngành phải được quản lý và vận hành theo nguyên tắc xuyên suốt: **“Đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất và dùng chung”**. Bảo đảm 100% dữ liệu phải được định danh, xác thực và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chuyên môn về chuyển đổi số của Thành phố.

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc trong triển khai nhiệm vụ: **Rõ người - Rõ việc - Rõ thẩm quyền - Rõ trách nhiệm - Rõ quy trình - Rõ kết quả - Rõ thời gian**. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trực tiếp trước lãnh đạo cấp trên về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị mình.

Ưu tiên hàng đầu công tác bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng trong suốt quá trình xây dựng, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và pháp lý để bảo vệ tuyệt đối dữ liệu cá nhân của người học, đội ngũ nhà giáo và người lao động; không để xảy ra tình trạng thất thoát hoặc khai thác dữ liệu trái phép.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nhóm nhiệm vụ chung

1.1. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số, Đổi mới sáng tạo và Đề án 06 tại tất cả các đơn vị trực thuộc. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp làm Trưởng ban. Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, Quy chế quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số trong nội bộ ngành và với các cơ quan nhà nước.

1.2. Đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”. Tuyên truyền hướng dẫn phụ huynh, học sinh sử dụng tài khoản định danh VNeID mức độ 2, ứng dụng Công dân số Thành phố và kỹ năng an toàn thông tin mạng.

1.3. Nâng cấp hạ tầng cơ sở dữ liệu giáo dục dùng chung kết nối hạ tầng điện toán đám mây Thành phố. Đáp ứng yêu cầu triển khai, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Rà soát, nâng cấp hạ tầng internet.

1.4. Thực hiện đối soát, xác thực thông tin định danh của học sinh, đội ngũ cán bộ, nhà giáo với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

1.5. Vận hành Hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến ứng dụng Bản đồ số giáo dục (EDUGIS).

1.6. Triển khai Trợ lý ảo AI hỗ trợ công tác quản lý, điều hành tại Sở, phòng và các cơ sở giáo dục.

1.7. Số hóa hồ sơ chuyên môn, học bạ, văn bằng, chứng chỉ và hồ sơ viên chức trên môi trường số. Đẩy mạnh thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Tích hợp hệ thống đối soát tự động. Triển khai học bạ số đồng bộ trong toàn

ngành; bảo đảm dữ liệu học bạ được số hóa đầy đủ, chính xác, có giá trị pháp lý và liên thông với các hệ thống quản lý giáo dục.

1.8. Xây dựng và phát triển kho học liệu số dùng chung của ngành, khuyến khích giáo viên xây dựng, chia sẻ bài giảng điện tử, học liệu mở; tăng cường khai thác học liệu số trong dạy học.

1.9. Tổ chức tập huấn kỹ năng ứng dụng AI, an toàn thông tin chuyên sâu cho cán bộ quản lý và giáo viên. Đưa nội dung giáo dục “Công dân số”, an ninh mạng và AI vào chương trình chính khóa từ cấp tiểu học và chương trình ngoại khóa bắt buộc.

1.10. Triển khai thí điểm mô hình Bản sao số (Digital Twin) mô phỏng, hỗ trợ ra quyết định quản lý mạng lưới trường lớp. Thiết lập các phòng học thông minh, không gian sáng tạo STEM/STEAM và hệ thống giám sát an ninh học đường ứng dụng Camera AI.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng kỹ thuật và An toàn thông tin

- 100% cơ sở giáo dục kết nối Internet băng thông rộng cố định tốc độ trên 1 Gbit/s. 100% diện tích nhà trường phủ sóng WiFi chuyên dụng. Hạ tầng mạng đáp ứng băng thông phục vụ VR, AR, mô phỏng 3D.

- 100% đơn vị trang bị hệ thống máy tính cấu hình mạnh, phần mềm bản quyền. Đáp ứng vận hành ứng dụng AI, quản lý dữ liệu lớn.

- 100% máy tính công tác, phòng thực hành cài đặt phần mềm bảo mật, diệt virus bản quyền; 100% nhà trường thiết lập tường lửa (Firewall) chuyên sâu. Ngăn chặn triệt để mã độc. Bảo vệ tuyệt đối dữ liệu ngành. Duy trì tính liên tục hệ thống mọi tình huống.

- 100% dữ liệu phát sinh thực hiện định danh, xác thực. Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin 100% nền tảng, phần mềm dùng chung.

- 100% nhà trường trang bị ít nhất 01 phòng học số cố định hoặc di động tích hợp màn hình tương tác, âm thanh kỹ thuật số, Camera AI hỗ trợ giảng dạy trực tuyến, tự động lưu trữ bài giảng.

2. 2. Dữ liệu số và Số hóa hồ sơ chuyên môn

- 100% cơ sở giáo dục đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. 100% danh mục dữ liệu chuyên ngành giáo dục hoàn thiện trên

môi trường số. 100% dữ liệu định danh cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- 100% hồ sơ chuyên môn vận hành trên môi trường số, danh mục thực hiện: học bạ số, sổ đăng bộ, sổ đầu bài, văn bằng chứng chỉ, sổ chủ nhiệm, sổ theo dõi đánh giá học sinh. 100% giáo viên sử dụng chữ ký số cá nhân phê duyệt hồ sơ chuyên môn.

- 100% cơ sở giáo dục khai thác hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS), kho học liệu số và ứng dụng giáo dục (EDUi).

2.3. Quản trị số và Dịch vụ công trực tuyến

- 100% thủ tục hành chính ngành giáo dục thực hiện trực tuyến toàn trình. 100% dịch vụ công ứng dụng thanh toán điện tử.

- 100% quy trình nghiệp vụ thực hiện qua hệ thống văn phòng số. Nội dung bao gồm: quản lý thi đua khen thưởng, kiểm định, kiểm tra đánh giá, khảo sát, tổ chức các kỳ thi và hội thi.

- 100% cơ sở giáo dục thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt. 90% học sinh thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

2.4. Năng lực số và Công dân số

- 100% công chức, viên chức, người lao động toàn ngành hoàn thành định danh điện tử VNeID mức độ 2.

- 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn năng lực số cơ bản hoặc nâng cao. Ít nhất 80% giáo viên tập huấn kỹ năng số và ứng dụng AI.

- 30% đến 50% học sinh được tham gia các chương trình giáo dục về AI.

- 100% giáo viên, học sinh trang bị trợ lý AI hỗ trợ cá nhân hóa dạy và học.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Kiện toàn tổ chức, hoàn thiện quy chế và kiến trúc dữ liệu

- Kiện toàn Ban chỉ đạo: Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 tại đơn vị. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp làm Trưởng ban để nâng cao trách nhiệm và phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu. **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026.**

- Rà soát, cập nhật và ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Ngành giáo dục (bao gồm dữ liệu về học sinh, đội ngũ cán bộ, giáo viên, cơ sở

vật chất và chương trình giáo dục), bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng chung và dữ liệu mở của ngành để tích hợp vào Kho dữ liệu Thành phố. **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026.**

- Xây dựng, cập nhật Quy chế thu thập, quản lý, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số trong nội bộ Ngành và giữa ngành Giáo dục với các cơ quan nhà nước khác, đặc biệt là dữ liệu dân cư. **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026.**

- Ban hành văn bản hướng dẫn các cơ sở giáo dục cập nhật quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động chuyển đổi số theo các quyết định mới nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố. **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026.**

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và phát triển kỹ năng số, bình dân học vụ số

Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền đa kênh qua Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, các buổi họp cha mẹ học sinh, sinh hoạt chuyên đề và lồng ghép linh hoạt vào hoạt động chuyên môn các nội dung trọng tâm: Kết quả thực hiện Đề án 06, Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử và các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đặc biệt, đẩy mạnh phổ biến lợi ích thiết thực của tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 và Ứng dụng Công dân số Thành phố trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính và tiện ích học đường. **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026 và định kỳ từng tháng/quý.**

Tập trung vận động, hướng dẫn 100% cán bộ, công chức, viên chức và học sinh (đủ điều kiện) khẩn trương thực hiện cấp căn cước gắn chip và kích hoạt định danh điện tử mức độ 2. **Thời gian thực hiện: thường xuyên.**

Hướng dẫn cha mẹ học sinh thực hiện các thủ tục hành chính, theo dõi thông tin giáo dục, thông tin học tập của học sinh trên ứng dụng giáo dục, ứng dụng công dân số. Thủ trưởng đơn vị trường THPT, TTGDTX, TTGDNN-GDTX, Trung cấp trực thuộc chỉ đạo xây dựng kế hoạch chương trình tình nguyện Hoa phượng đỏ tại đơn vị, trọng tâm gắn kết các hoạt động tình nguyện với nội dung hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số trên môi trường số.

Thủ trưởng đơn vị tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn chuyên sâu về quản trị, khai thác dữ liệu số, phân tích dữ liệu và đẩy mạnh ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI); Đưa nội dung vào kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên các nội dung về kỹ năng ứng dụng công nghệ số, an toàn thông tin và kiến trúc giáo dục số cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo. **Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2026**

Triển khai nội dung giảng dạy về kỹ năng số, an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo (AI) vào chương trình chính khóa từ cấp tiểu học. **Thời gian thực hiện: Tháng 4 năm 2026/ Tháng 9 năm 2026.**

3. Xây dựng, chuẩn hóa hệ sinh thái dữ liệu và hạ tầng số

3.1. Làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu

- Chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng triển khai, khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang quản lý như: cơ sở dữ liệu học sinh, cơ sở dữ liệu đội ngũ cán bộ, giáo viên, cơ sở dữ liệu cơ sở vật chất và cơ sở chương trình giáo dục (theo danh mục ban hành). **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026.**

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Công an Thành phố thực hiện đối soát, xác thực **100% thông tin định danh** của học sinh và đội ngũ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; trọng tâm là ứng dụng các công cụ đối soát tự động nhằm phát hiện, xử lý triệt để dữ liệu trùng lặp hoặc mâu thuẫn giữa các hệ thống phần mềm. Qua đó, tập trung xây dựng và chuẩn hóa hệ thống danh mục dữ liệu chuyên ngành đảm bảo 100% dữ liệu **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”**, tạo nền tảng kết nối và liên thông thông suốt từ Sở đến các cơ sở giáo dục và UBND các phường, xã, đặc khu. **Thời gian thực hiện: Tháng 03 năm 2026 và duy trì rà soát định kỳ trước ngày 25 hàng tháng.**

- Xây dựng hệ thống theo dõi đánh giá theo dõi trực tuyến tỷ lệ làm sạch dữ liệu của từng đơn vị trực thuộc. **Thời gian thực hiện: Tháng 04 năm 2026**

- Phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố để chuẩn hóa dữ liệu trên các nền tảng dùng chung. **Thời gian thực hiện: Tháng 04 năm 2026**

3.2. Phát triển hạ tầng và ứng dụng

Thực hiện rà soát, nâng cấp đồng bộ hạ tầng mạng và hệ thống thiết bị tại các cơ sở giáo dục trên toàn địa bàn. Đảm bảo 100% đơn vị kết nối đường truyền Internet băng thông rộng cố định, tốc độ đáp ứng nhu cầu quản lý dữ liệu lớn và dạy học trực tuyến. Tập trung trang bị hệ thống máy tính cấu hình mạnh, vận hành ổn định trên nền tảng phần mềm có bản quyền. Thiết lập hàng rào bảo mật chuyên sâu thông qua tường lửa (Firewall) và các giải pháp phòng chống mã độc nhằm bảo vệ tuyệt đối dữ liệu ngành, duy trì tính liên tục của hệ thống thông tin trong mọi tình huống. **Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2026**

Tập trung triển khai hệ sinh thái các nền tảng số nhằm chuyển đổi toàn diện phương thức quản trị giáo dục, tăng cường cải thiện tính đồng bộ, thuận tiện và minh bạch trong công tác quản trị, dạy và học tại các cơ sở giáo dục. Phân đầu đạt mục tiêu 100% hồ sơ chuyên môn (*bao gồm: học bạ, sổ đăng bộ, sổ đầu bài, văn bằng chứng chỉ, sổ chủ nhiệm, sổ theo dõi đánh giá học sinh, sổ dinh dưỡng đối với khối mầm non và các loại sổ sách khác*) được số hóa và

vận hành trên môi trường mạng. Thực hiện chuẩn hóa, khai thác hiệu quả hệ thống quản lý học tập (LMS), kho học liệu số và ứng dụng giáo dục (EDUi) tại 100% các cơ sở giáo dục. Đồng thời, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ thông qua hệ thống văn phòng số, quản lý thi đua khen thưởng và các kỳ thi, hội thi trực tuyến; đảm bảo tính liên thông dữ liệu, bảo mật thông tin và tối ưu hóa nguồn lực quản trị trong toàn ngành. **Thời gian thực hiện: Tháng 07 năm 2026**

Thực hiện tích hợp toàn diện mạng lưới trường lớp lên Bản đồ số Giáo dục (GIS) nhằm phục vụ công tác công khai giáo dục và hoạch định mạng lưới trường lớp chiến lược. Ứng dụng dữ liệu GIS để thực hiện phân tuyến tuyển sinh đầu cấp tự động, đảm bảo 100% quy trình tuyển sinh khách quan, minh bạch dựa trên dữ liệu dân cư. Vận hành mô hình Bản sao số (Digital Twin) phối hợp cùng ngành Khoa học và Công nghệ để mô phỏng, hỗ trợ ra quyết định chính xác trong việc quản lý và phát triển hạ tầng giáo dục toàn Thành phố. **Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2026**

4. Thúc đẩy kinh tế số, công dân số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

4.1. Cải cách thủ tục hành chính

Triển khai tuyển sinh đầu cấp (Lớp 1, 6, 10) trực tuyến 100% dựa trên dữ liệu dân cư, không yêu cầu giấy xác nhận cư trú. Triển khai các thủ tục hành chính liên quan đến học sinh: tuyển sinh, nhập học, xin phép nghỉ học, điểm danh, theo dõi quá trình/kết quả học tập, chuyển trường 100% bằng hình thức trực tuyến. **Thời gian thực hiện: Tháng 06 năm 2026.**

Cấp phát và hướng dẫn 100% giáo viên sử dụng chữ ký số. Ứng dụng chữ ký số để phê duyệt hoàn toàn các hồ sơ giáo dục, ký học bạ số và thực hiện các giao dịch hành chính trên môi trường điện tử, đảm bảo tính pháp lý và thay thế hồ sơ giấy. **Thời gian thực hiện: Tháng 05 năm 2026.**

Đẩy nhanh tiến độ số hóa văn bản tốt nghiệp theo chuẩn định dạng Khung kiến trúc dữ liệu Thành phố. Hoàn thành việc tích hợp, hiển thị thông tin văn bản trên ứng dụng VNeID nhằm tối ưu hóa tiện ích cho công dân và thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm hồ sơ giấy. **Thời gian thực hiện: Tháng 10 năm 2026.**

Tích hợp 100% tài khoản VNeID (SSO) để đăng nhập các hệ thống quản lý học tập và dịch vụ công của ngành. **Thời gian thực hiện: Tháng 05 năm 2026.**

4.2. Thúc đẩy kinh tế số và công dân số

Tập trung hoàn thành chỉ tiêu 100% học bạ số các cấp học, đảm bảo tính liên thông, lưu trữ hệ thống. Xây dựng, vận hành kho dữ liệu văn bản, chứng chỉ số tích hợp trên ứng dụng Công dân số; phục vụ tra cứu, truy xuất, xác thực

dữ liệu thời gian thực. Thiết lập kho học liệu dùng chung toàn Thành phố; thực hiện phân loại, gắn mã định danh dữ liệu thống nhất, tạo điều kiện khai thác tài nguyên số hiệu quả giữa các cơ sở giáo dục. **Thời gian thực hiện: Tháng 10 năm 2026.**

Quản triệt, đẩy nhanh tiến độ thanh toán học phí không dùng tiền mặt; phấn đấu đạt tỷ lệ 100% cơ sở giáo dục và ít nhất 90% học sinh toàn Thành phố. Phối hợp các đơn vị liên quan đảm bảo 100% học sinh đủ điều kiện được cấp căn cước gắn chip phục vụ thi tốt nghiệp, tuyển sinh. Ứng dụng thẻ căn cước định danh, xác thực học sinh trong mọi hoạt động giáo dục, khảo sát, thi cử; xây dựng môi trường quản lý minh bạch, hiện đại. Hoàn thiện triển khai 100% ứng dụng giáo dục (EDUi) tại tất cả các đơn vị trường học, tạo nền tảng kết nối dữ liệu thống nhất. Phối hợp triển khai có hiệu quả Ứng dụng Công dân số Thành phố, Trạm công dân số Thành phố; đảm bảo liên thông chia sẻ dữ liệu đến Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và các Hệ thống chuyên ngành của các Sở, ban, ngành Thành phố. **Thời gian thực hiện: Tháng 10 năm 2026.**

4.3. Phòng học số, không gian sáng tạo STEM/STEAM.

Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng hạ tầng mạng và thiết bị hiện có tại 100% các cơ sở giáo dục; ban hành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất, đảm bảo tính đồng bộ giữa phần cứng (màn hình tương tác, hệ thống âm thanh số) và các phần mềm quản lý bài giảng (đảm bảo đủ phần mềm VR, AR, mô phỏng 3D).

Phấn đấu 100% nhà trường được trang bị ít nhất 01 phòng học số (*cố định hoặc di động*). Hệ thống ưu tiên tích hợp Camera AI thế hệ mới với khả năng tự động hóa việc ghi hình, phân tích tương tác và lưu trữ bài giảng trực tuyến vào kho học liệu dùng chung. Định mức đầu tư sẽ được điều chỉnh linh hoạt tùy thuộc vào quy mô và đặc thù của từng cấp học. Nguồn vốn triển khai được huy động từ ngân sách nhà nước, kết hợp nguồn xã hội hóa nhằm đảm bảo đầu tư trọng điểm, hiệu quả và tránh lãng phí.

Thời gian thực hiện: Tháng 08 năm 2026

4.4. Triển khai phổ cập trí tuệ nhân tạo và giải pháp Trí tuệ nhân tạo vào giáo dục

Đẩy mạnh ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản trị nhằm hiện đại hóa bộ máy vận hành và hệ thống quản lý hành chính tại các đơn vị. Phấn đấu đạt chỉ tiêu 50% các cơ sở giáo dục triển khai thí điểm tích hợp công nghệ AI để tự động hóa quy trình, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả điều hành. Việc số hóa quản trị hướng tới xây dựng môi trường làm việc khoa

học, minh bạch và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện. **Thời gian thực hiện: Tháng 10 năm 2026.**

Tập trung đổi mới hoạt động dạy và học thông qua việc tích hợp các công cụ AI hỗ trợ giáo viên trong công tác soạn giảng, kiểm tra và đánh giá học sinh. Mục tiêu cốt lõi là nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng cá nhân hóa, cho phép điều chỉnh phương pháp sư phạm phù hợp với năng lực của từng người học. Qua đó, tạo bước đột phá trong việc nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức và tương tác giữa giáo viên và học sinh. **Thời gian thực hiện: Tháng 10 năm 2026.**

Tổ chức triển khai và hướng dẫn sử dụng rộng rãi các tài khoản AI chuyên dụng đóng vai trò là trợ lý học tập số cho học sinh. Hệ thống này nhằm kiến tạo môi trường học tập thích ứng (Adaptive Learning), hỗ trợ học sinh tự học, tự nghiên cứu và chủ động chiếm lĩnh tri thức. Đây là giải pháp quan trọng để cá nhân hóa lộ trình học tập, giúp người học phát huy tối đa tiềm năng cá nhân trong môi trường số. **Thời gian thực hiện: Tháng 10 năm 2026.**

Xây dựng và đưa nội dung về Trí tuệ nhân tạo cùng các kỹ năng số thiết yếu vào chương trình giảng dạy chính thức cho học sinh các cấp. Chương trình được thiết kế phù hợp với từng độ tuổi, tập trung vào việc hình thành tư duy dữ liệu, năng lực giải quyết vấn đề và đạo đức sử dụng AI. Hoạt động này nhằm chuẩn bị hành trang vững chắc, giúp học sinh sẵn sàng thích nghi và trở thành những công dân số trách nhiệm trong kỷ nguyên mới. **Thời gian thực hiện: Tháng 08 năm 2026.**

5. Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá mức độ chuyển đổi số cho các cơ sở giáo dục toàn ngành.

Xây dựng và triển khai thống nhất Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) cho toàn ngành giáo dục, tập trung vào 06 trụ cột chính: (1) Thẻ chế số; (2) Hạ tầng số; (3) Dữ liệu số; (4) Nhân lực số; (5) Quản trị và điều hành số; (6) Hoạt động giáo dục số.

Thực hiện cơ chế giám sát trực tuyến thông qua hệ thống báo cáo số liệu tập trung (dti.hcm.edu.vn). Mục tiêu đạt 100% các đơn vị được đánh giá mức độ chuyển đổi số định kỳ hàng tháng, quý, năm. Từng bước đánh giá tự động dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tăng tính minh bạch, chính xác của các báo cáo đánh giá, giúp cơ sở giáo dục tương tác 2 chiều với hệ thống đánh giá.

Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số hàng quý sẽ là căn cứ đánh giá thủ trưởng đơn vị hàng quý/năm học; kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục làm căn cứ đánh giá cơ quan quản lý nhà nước hàng năm

Cơ chế báo cáo của các đơn vị:

- *Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục: trực tiếp trên cổng cơ sở dữ liệu ngành, thời gian kiểm soát 15g00 hàng ngày và 15g00 ngày 20 hàng tháng. Bộ phận thường trực lấy trực tiếp.*

- *Báo cáo về nghiệp vụ hồ sơ giáo dục qua cổng trực tiếp: số đầu bài, EDUI, Sổ đăng bộ, văn phòng số, học liệu số, thi đua khen thưởng (đối với cơ sở trực thuộc); tập huấn chuyển đổi số, phần mềm quản lý trang thiết bị và DTI ... thời gian: 15g00 ngày 20 hàng tháng.*

Thời gian thực hiện: Tháng/quí/năm

IV. KINH PHÍ VÀ NGUỒN LỰC

Chủ động rà soát, lập dự toán kinh phí chi tiết theo từng giai đoạn; trong đó ưu tiên bố trí ngân sách cho hạ tầng cốt lõi, mua sắm bản quyền phần mềm và các công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Phấn đấu 100% nhiệm vụ trọng điểm được đảm bảo nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện đúng tiến độ đề ra.

Tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có kết hợp với nâng cấp thiết bị hiện đại; đồng thời xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên CNTT tại chỗ đủ năng lực vận hành, ứng cứu sự cố hệ thống.

Khuyến khích thu hút các nguồn lực hợp pháp từ xã hội và doanh nghiệp để hỗ trợ trang thiết bị, học liệu số; đảm bảo mọi nguồn đầu tư đều tập trung vào mục tiêu chuẩn hóa hệ sinh thái giáo dục số **“thống nhất, dùng chung”** và bền vững.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Tham mưu phương án thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu ngành Giáo dục nhằm thống nhất công tác chỉ đạo, tạo lập và quản trị dữ liệu xuyên suốt.

Chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của ngành để tích hợp vào Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Là đơn vị thường trực, theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; kịp thời báo cáo Giám đốc Sở các biện pháp cần thiết để đảm bảo Kế hoạch đạt hiệu quả.

Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả triển khai trong Quý IV năm 2026. Đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị thực hiện chậm tiến độ hoặc không đạt chỉ tiêu.

2. Phòng Mầm non, Phòng Giáo dục Phổ thông, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học, Phòng Quản lý chất lượng

- Chủ trì, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện số hóa học bạ, văn bằng, chứng chỉ và các hồ sơ chuyên môn theo đúng quy chuẩn.

- Chủ trì rà soát, đánh giá hiệu quả khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang quản lý để đề xuất các phương án nâng cấp, hoàn thiện phù hợp với thực tế dạy và học.

3. Phòng Tổ chức Cán bộ

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm về tính chính xác của cơ sở dữ liệu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành.

- Xây dựng và lồng ghép các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, an toàn thông tin và ứng dụng AI cho đội ngũ nhà giáo.

4. Phòng Kế hoạch tài chính.

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung về trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Hướng dẫn và bố trí dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

5. Phòng Văn hóa - Xã hội (Phường, xã, đặc khu)

- Phối hợp chặt chẽ với các trường học trên địa bàn và lực lượng Công an cấp xã để rà soát, đối chiếu thông tin cư trú của học sinh, đảm bảo dữ liệu học sinh đầu cấp được chính xác phục vụ tuyển sinh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân địa phương tham gia phong trào "Bình dân học vụ số", phổ cập kỹ năng nộp hồ sơ trực tuyến và sử dụng chữ ký số trên VNeID.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ Chuyển đổi số và Đề án 06 của Ngành theo địa bàn phụ trách. Định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 của tháng cuối Quý.

6. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn

- Trực tiếp chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị mình.

- Thực hiện số hóa học bạ, văn bằng, chứng chỉ và cập nhật hồ sơ viên chức, người lao động lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Các cơ sở giáo dục phải thực hiện cập nhật dữ liệu học sinh, đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất ngay khi có biến động, bảo đảm thông tin luôn trong trạng thái “sống” và phản ánh chính xác thực tế tại đơn vị.

- Dữ liệu phải được rà soát, đối soát định kỳ để bảo đảm các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, tuân thủ nghiêm ngặt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm phục vụ việc kết nối, liên thông thông suốt từ cấp Sở đến các phường, xã, đặc khu.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, học sinh và phụ huynh về tầm quan trọng của dữ liệu số trong giáo dục.

- Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở về tính chính xác, tính toàn vẹn và bảo mật của dữ liệu trong phạm vi quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện triển khai./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND TP (để báo cáo);
- Tổ Giúp việc Đề án 06 TP (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở (để thực hiện);
- Phòng VHXXH phường xã, đặc khu, các trường THPT, đơn vị trực thuộc Sở (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP (Tùng).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu